TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2017/HSST
Ngày: 23-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thả

Bà Nguyễn Thị Thủy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa:Ông Phí Ngọc Minh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2017/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2017 đối vớibị cáo:

Huỳnh Sơn T, sinh năm 1989, tại: Bình Phước; HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn:2/12; con ông Huỳnh Sơn Tx (đã chết) và Nguyễn Thị X; có vợ và 01 người con; tiền án, tiền sự: (không); nhân thân: ngày 11/9/2007 bị bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long (cũ), tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong và đã được đương nhiên xóa án tích; bị tạm giam từ ngày 06/5/2017 đến nay;bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1970; HKTT: Thôn B, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

2. Ông Phạm Hoài N, sinh năm 1964; HKTT: Thôn B, xã B,huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn P, sinh năm 2001; HKTT: Thôn B, xã B,huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn P: Ông Phạm Hoài N và bà Nguyễn Ngọc D (là cha, mẹ của anh P); (có mặt).

2. Anh Phạm Phương T, sinh năm 1993; HKTT: Thôn B, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

3. Chị Nguyễn Bé N, sinh năm 1989; HKTT: Thôn B, xã B,huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

4. Anh Kim Hoàng T (tên gọi khác: T), sinh năm 1989; HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (cómặt).

5. Anh Nguyễn Sơn H (tên gọi khác: C), sinh năm 1988; HKTT: Thôn B, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắngmặt).

6. Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1991; HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết V–Chủ Doanh nghiệp tư nhân T V; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1972–Chủ Doanh nghiệp tư nhân K N; địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1945 –Chủ Doanh nghiệp tư nhân N B; địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

4. Ông Dương Minh Tr, sinh năm 1985 - Giám đốc Chi nhánh 5 tiệm vàng K H; địa chỉ: đường P, phường T, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 24/3/2017, Huỳnh Sơn T đi đến chòi của Phạm Hoài N (vợ của T là em gái vợ của N) để giặt đồ. T thấy chòi không có người trông giữ, cửa không khóa, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào chòi lục tìm tài sản nhưng không có nên đi ra giặt quần áo. T nhớ lại trước đây N thường cất giấu tài

sản bằng cách đào hố chôn dưới đất (có lần bị gà bới lên), nên T đi xung quanh chòi để tìm, khi tới khu vực hồ nước thấy một đống lá điều, T vạch lá điều ra thì phát hiện 01 túi nilon màu trắng trồi lên mặt đất; T kéo túi nilon lên mở ra thấy bên trong có một hộp nhựa màu trắng, bên trong hộp nhựa có nhiều tiền, vàng, T lấy hết bỏ vào chậu quần áo, túi nilon thì bỏ xuống hố dùng tay lấp đất và phủ lá điều lại như ban đầu. Sau đó, T đi về nhà kiểm đếm trong hộp nhựa có 130.000.000 đồng (được bó thành 13 cọc, mệnh giá 100.000, 200.000, 500.000 đồng); 02 nhẫn vàng, 03 sợi dây chuyền vàng. T đem tất cả tiền, vàng ra gốc cây tràm (cách nhà 30m) vùi lá cây cất giấu. Ngày 26/3/2017, T đem số vàng chiếm đoạt được bán cho dịch vụ vàng bạc đá quý K H ở Đồng Xoài được 14.200.000 đồng. Sau khi sử dụng hết số tiền này, T đã nhiều lần đến vị trí cất giấu tiền lấy mua đồ đưa cho Nguyễn Bé N (vợ T) và dẫn N đi mua vàng nhiều lần, tổng số tiền mua đồ và vàng là 45.000.000 đồng; cho Nguyễn Sơn H mượn 3.000.000 đồng, Kim Hoàng T mượn 6.000.000 đồng, Nguyễn Quốc Đ mượn 9.700.000 đồng. Số tiền còn lại T mua 01 nhẫn vàng 24kara trọng lượng 02 chỉ và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: Do T nộp: 5.000.000 đồng; 01 nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24kara. Do Nguyễn Bé N nộp: 01 vòng đeo tay ký hiệu MD trọng lượng 03 chỉ vàng 24kara; 01 nhẫn trọng lượng 1,046 chỉ vàng 24kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 1,23 chỉ vàng 18kara. Nguyễn Ngọc D nộp: 01 túi nilon loại 5kg.

Tài sản T chiếm đoạt là 130.000.000 đồng; 9,65 chỉ vàng 18kara (gồm 02 nhẫn và 03 sợi dây chuyền).

Tài sản T dùng tiền trộm cắp được để mua: 01 nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24kara;01 vòng đeo tay ký hiệu MD trọng lượng 03 chỉ vàng 24kara; 01 nhẫn trọng lượng 1,046 chỉ vàng 24kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 1,23 chỉ vàng 18kara.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 10-5-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Gia Mập kết luận: Tại thời điểm ngày 24/3/2017 giá trị của 9,65 chỉ vàng 18kara (gồm 02 nhẫnvà 03 sợi dây chuyền) là 22.967.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 26/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 30-5-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Gia Mập kết luận: Tại thời điểm ngày 24/3/2017 giá trị của 6,046 chỉ vàng 24kara (gồm 02 nhẫn và 01vòng đeo tay) là 19.861.110 đồng và 1,23 chỉ vàng 18kara (gồm 01 sợi dây chuyền) là 2.736.750 đồng. Tổng cộng 22.597.860 đồng.

Ngày 06/5/2017, Huỳnh Sơn T ra đầu thú.

Ngày09/5/2017, Huỳnh Sơn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 30/CTr-VKS ngày 18-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dânhuyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Huỳnh Sơn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Huỳnh Sơn T về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Trung đã lén lút chiếm đoạt 130.000.000 đồng và 9,65 chỉ vàng 18karacủa Phạm Hoài N và Nguyễn Ngọc D ở thôn Đắk Á, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường một phần thiệt hại. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138;Điều 33; Điều 45; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáoHuỳnh Sơn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Huỳnh Sơn T bồi thường cho người bị hại Phạm Hoài N và Nguyễn Ngọc D số tiền 115.000.000 đồng và 9,65 chỉ vàng 18kara.

- Về vật chứng của vụ án đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bao nilon loại 5kg.Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24kara;01 vòng đeo tay ký hiệu MD trọng lượng 03 chỉ vàng 24kara; 01 nhẫn trọng lượng 1,046 chỉ vàng 24kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 1,23 chỉ vàng 18kara. Trả lại cho Phạm Hoài N, Nguyễn Ngọc D số tiền 5.000.000 đồng.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

- Bị cáo Huỳnh Sơn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đồng ý bồi thường thiệt hại cho người bị hại 130.000.000 đồng và 9,65 chỉ vàng 18kara.Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo khai số tiền cho vợ bị cáo làm nhiều lần bằng hình thức mua đồ và mua vàng với số lượng ít nhằm tránh sự nghi ngờ của vợ bị cáo. Số tiền bị cáo cho Nguyễn Sơn H mượn 3.000.000 đồng, Kim Hoàng T mượn 6.000.000 đồng, Nguyễn Quốc Đ mượn 9.700.000 đồng là tiền do trộm cắp mà có.

- Người bị hại bà Nguyễn Ngọc D khai: Gia đình bị cáo có đưa tiền bồi thường nhưng với điều kiện là không đưa ra pháp luật để xử lý Huỳnh Sơn T nên bà không nhận. Bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng bà số tiền 130.000.000 đồng, (trừ đi 10.000.000 đồng đã nhận bồi thường, 5.000.000 đồng mà Trung đã giao nộp và 18.700.000 đồng mà Đạt, Thái và Sơn phải nộp lại) và 9.65 chỉ vàng 18kara (gồm 02 nhẫn (cà rá) và 03 sợi giây chuyền).

- Người bị hại ông Phạm Hoài N: Ông N đồng ý với ý kiến của bà D và không bổ sung gì thêm.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quananh Phạm Văn P khai: Trong số 9,65 chỉ vàng 18kara mà bị cáo chiếm đoạt là có vàng của anh và của Phạm Phương T gửi cho cha mẹ (là ông N, bà D) cất giữ, vì anh không nhớ chính xác là bao nhiêu chỉ vàng, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho cha mẹ anh và anh sẽ lấy từ cha mẹ sau.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Phương T khai: Trong số 9,65 chỉ vàng 18kara mà bị cáo chiếm đoạt là có vàng của anh và của Phạm Văn P gửi cho cha mẹ (là ông N, bà D) cất giữ, vì anh không nhớ chính xác là bao nhiêu chỉ vàng, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho cha mẹ anh và anh sẽ lấy từ cha mẹ sau.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanchị Nguyễn Bé N khai:Bị cáo không đưa tiền mặt mà mua đồ và dẫn đi mua vàng và đổi vàng nhiều lần với số lượng ít, chứ không mua một lần với số lượng nhiều, chị không biết tiền mua đồ và mua vàng do chồng chị là bị cáo Huỳnh Sơn T trộm cắp mà có. Sau khi biết chị cả (tức là chị D) mất tiền, chị có hỏi anh T có lấy không thì trả lại cho chị D, nhưng anh T trả lời không lấy và thấy anh T vẫn bình thường không có biểu hiện gì khác thường nên chị tin lời nói của anh T.Bị cáo đã tác động gia đình và chị đã bồi thường cho người bị hại 10.000.000 đồng, chị không có ý kiến gì đối với số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Kim Hoàng T khai tại bản khai ngày 09/6/2017 (BL 74) và tại phiên tòa:Anh T mượn tiền của Trung 6.000.000 đồng vào ngày 28/4/2017, khi mượn không hỏi T nguồn gốc tiền, chưa trả lại cho T.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Sơn H khai tại bản khai ngày 09/6/2017 (BL 78) và tại phiên tòa ngày 08/11/2017: Anh H có mượn tiền của T 3.000.000 đồng, khi mượn không hỏi T nguồn gốc tiền. Đến nay anh chưa trả lại T.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc Đ khai tại bản khai ngày 10/6/2017 (BL 82):Anh Đ có mượn tiền Trung 9.700.000 đồng, khi mượn có hỏi Trung nguồn gốc tiền thì T trả lời tiền T mượn của người ta, anh không biết tiền do T trộm cắp mà có, anh chưa trả lại tiền cho T.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết V – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T V khai tại (BL 144): Do lượng khách hàng đông nên bà không nhớ là có khách hàng tên Huỳnh Sơn T và Nguyễn Bé N có mua vàng tại doanh nghiệp tư nhân T V hay không. Tuy nhiên, khi khách hàng mua thì có hóa đơn.

- Người làm chứng bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1972 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân K N khai tại (BL 146):Do lượng khách hàng đông, thời gian đã lâu nên bà không thể xác định được có bán cho khách hàng Nguyễn Ngọc D. Khi doanh

nghiệp bán hàng cho khách thì có hóa đơn, hóa đơn giao cho khách, doanh nghiệp không lưu.

- Người làm chứng bà Trần Thị T, sinh năm 1945 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân N B khai tại (BL 145): Do lượng khách hàng đông và thời gian đã lâu nên bà không nhớ doanh nghiệp của bà có bán vàng cho người có tên Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Bé N hay không. Tuy nhiên, khi khách hàng mua thì đều có hóa đơn.

- Người làm chứng ông Dương Minh T, sinh năm 1985 - Giám đốc Chi nhánh 5 tiệm vàng K H khai tại (BL 147): Do lượng khách hàng đến mua bán vàng rất đông nên ông không thể xác định được khách hàng nào tên T đến bán vàng. Sau khi mua vàng của khách hàng trong ngày, chi nhánh sẽ nấu vàng thành cục để đưa về công ty. Việc mua bán tại chi nhánh thường có hóa đơn khi khách yêu cầu, khách hàng bán vàng thì không có hóa đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai nhận tội củabị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường vàcác tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng vụ án . Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận : Bị cáo Huỳnh Sơn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 130.000.000 đồng và 9,65 chỉ vàng 18kara (gồm 02 nhẫn (cà rá) và 03 sợi dây chuyền) của Phạm Hoài N và Nguyễn Ngọc D ở thôn Đ, xã B, huyện Bù Gia Mập. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 152.967.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự,an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ cá nhân, mục đích trộm tài sản để bán lấy tiền sử dụng.Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Viện kiểm sát truy tố và luận

tội bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo,năm 2007 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử về tội trộm cắp tài sản,mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, vì vậy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và phòng ngừa chung.

[5]Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: "Đã tác động gia đình bồi thường một phần cho người bị hại", "Thành khẩn khai báo", "Bị cáo đầu thú". Đây là những tình tiết giảm nhẹ được xem xét khi lượng hình quy định tại các điểmb, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo mà không xem xét đến tình tiết giảm nhẹ "Bị cáo đầu thú", nên Hội đồng xét xử cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Trả 5.000.000 đồng và đề nghị buộc bị cáo bồi thường 115.000.000 đồng và 9,65 chỉ vàng 18kara cho người bị hại Phạm Hoài N và Nguyễn Ngọc D là có căn cứ. Tuy nhiên, cần phải buộc bị cáo bồi thường 130.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng đã thu hồi, 10.000.000 đồng đã bồi thường và 18.700.000 đồng buộc những người có quyền và nghĩa vụ liên quan (T, H, Đ) nộp lại để trả cho người bị hại, còn phải bồi thường 96.300.000 đồng và 9,65 chỉ vàng 18kara mới đúng.

- Đề nghị tịch thu sung quỹ số vàng mà bị cáo dùng tiền trộm cắp có được để mua là chưa phù hợp, vì chưa xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại. Người bị hại chưa được bị cáo bồi thường đầy đủ, nên không cần thiết tịch thu sung quỹ số vàng này, mà cần kê biên để bảo đảm thi hành án về bồi thường thiệt hại.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bao nilon loại 5kg là đúng.

[7] Đối với Nguyễn Bé N, Nguyễn Sơn H, Kim Hoàng T và Nguyễn Quốc Đ không biết tiền do bị cáo trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự : Xét yêu cầu của ông N và bà D là có căn cứ và phù hợp với ý kiến của anh P và anh T nên chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại 130.000.000 đồng, được khấu trừ 5.000.000 đồng đã thu

giữ,18.700.000 đồng buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại để trả cho người bị hại và 10.000.000 đồng người bị hại đã nhận bồi thường, còn phải bồi thường 96.300.000 đồng và 9,65 chỉ vàng 18kara (gồm 02 nhẫn (cà rá) và 03 sợi dây chuyền).

[9] Xét thấy bị cáo cho Kim Hoàng T mượn 6.000.000 đồng, Nguyễn Sơn H mượn 3.000.000 đồng, Nguyễn Quốc Đ mượn 9.700.000 đồng là tiền do bị cáo trộm cắp có, vì vậy cần buộc Thái, Hải và Đạt nộp lại số tiền này để trả cho người bị hại.

[10] Về vật chứng:

- Số tiền 5.000.000 đồng là tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại, nên trả lại cho người bị hại là Phạm Hoài N và Nguyễn Ngọc D.

- 01 nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24kara; 01 vòng đeo tay ký hiệu MD trọng lượng 03 chỉ vàng 24kara; 01 nhẫn trọng lượng 1,046 chỉ vàng 24kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 1,23 chỉ vàng 18kara. Số vàng này là do bị cáo dùng tiền trộm cắp được của ông N và bà D để mua. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa bồi thường đầy đủ cho người bị hại, mặt khác bị cáo dùng tiền trộm cắp được để mua số vàng này, nên không cần thiết tịch thu sung quỹ nhà nước mà cần kê biên nhằm đảm bảo thi hành án về bồi thường thiệt hại, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.

- 01 túi nilon loại 5kg, người bị hại không nhận lại, xét không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Huỳnh Sơn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138;Điều 33; Điều 45;điểmb, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 củaBộ luật hình sự,xử phạt bị cáo Huỳnh Sơn T 03(Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 06 tháng 5 năm 2017).

Quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự và các điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Huỳnh Sơn T phải bồi thường cho người bị hại Phạm Hoài N và Nguyễn Ngọc D số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), được khấu trừ số tiền đã thu hồi 5.000.000 đồng để trả cho người bị hại, 10.000.000 đồng người bị hại đã nhận bồi thường và 18.700.000 đồng buộc Th, Đ và H nộp lại

để trả cho người bị hại, còn phải bồi thường 96.300.000 đồng (Chín mươi sáu triệuba trăm nghìn đồng)và 9,65 chỉ vàng 18kara (Chín phẩy sáu mươi lăm chỉ vàng 18kara) (gồm 02 nhẫn (cà rá) và 03 sợi dây chuyền).

Kể từ ngày ông Phạm Hoài N và bà Nguyễn Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành trả tiền thì hàng tháng bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự. Buộc Kim Hoàng T nộp lại 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), Nguyễn Sơn H nộp lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và Nguyễn Quốc Đ nộp lại 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng) để trả cho người bị hại Phạm Hoài N và Nguyễn Ngọc D.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 củaBộ luật hình sự; Điều 76, Điều 146 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho người bị hại Phạm Hoài N và Nguyễn Ngọc D số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon loại 5kg.

- Kê biên 01 nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24kara; 01 vòng đeo tay ký hiệu MD trọng lượng 03 chỉ vàng 24kara; 01 nhẫn trọng lượng 1,046 chỉ vàng 24kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 1,23 chỉ vàng 18kara đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án về bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Sơn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.963.350 đồng (Năm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Bị cáo, người bị hại , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày , kể từ ngày tuyên án (23/11/2017). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanvắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày , kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *CA huyện Bù Gia Mập (03 bản);*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thoại